**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO DIỄN CHÂU**

**TRƯƠNG MẦM NON DIỄN KỶ**

**CHỦ ĐỀ: BÉ VÀ GIA ĐÌNH CỦA BÉ**

**(Thực hiện trong 6 tuần từ ngày 28/10 đến ngày 06/12/2024)**

**GIÁO VIÊN : Tăng Thị Trinh**

**NĂM HỌC: 2024-2025**

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

**CHỦ ĐỀ : BÉ VÀ GIA ĐÌNH CỦA BÉ**

**(Thời gian thực hiện từ ngày: 28/10/2024 đến ngày 06/12/2024)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mục đích yêu cầu** | **Tổ chức hoạt động** | **Kết quả** |
| **1. Tổ chức bữa ăn** | - Bắt đầu cho trẻ làm quen với một số thực phẩm quen thuộc ( thịt, cá , rau , cơm , canh...)  - Tập cho trẻ biết mời cô , mời bạn trước khi vào ăn , uống  - Bước đầu tập cho trẻ cách cầm thìa và tự xúc ăn  - Tập cho trẻ làm 1 số việc tự phục vụ như lấy cất bát đúng nơi quy định  - Cung cấp cho trẻ một số từ trong ăn uống  - Biết giữ vệ sinh trong ăn uống. | - Tổ chức cho trẻ ăn đúng giờ, động viên trẻ ăn hết khẩu phần.  - Sắp xếp bàn ghế đủ cho trẻ ngồi , chuẩn bị đĩa bỏ cơm rơi, đĩa bỏ khăn ẩm lau tay,  - Giới thiệu với trẻ về các món ăn mà trẻ đang ăn  - Trẻ mới đi học còn nhút nhát chưa chịu xúc ăn cô đút cho trẻ ,sau trẻ quen dần cô tập cho trẻ tự xúc ăn.  - Trong các giờ ăn cô rèn các nề nếp thói quen cho trẻ.  - Lồng ghép giáo dục dinh dưỡng vào các hoạt động trong ngày  - Tuyên dương khen ngợi khi trẻ có hành vi thói quen tốt. |  |
| **2.** **Tổ chức giấc ngủ** | - Tập cho trẻ có thói quen ngủ trưa từ 120 – 150 phút  - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ.  - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy gối của mình  - Trẻ được ngủ ngon giấc, đủ giấc, an toàn , thoáng mát. | - Trò chuyện đông viên trẻ trước khi đi ngủ, đọc thơ, nghe hát ru , theo dõi chăm sóc giấc ngủ cho trẻ, đặc biệt là những trẻ khó ngủ.  - Cô thường xuyên có mặt trong giấc ngủ của trẻ , trẻ nào dậy trước cô cho trẻ đi vệ sinh trước |  |
| **3. Tổ chức vệ sinh:** | **\* Vệ sinh cá nhân cô:**  - Cô giáo phải ăn mặc sạch sẽ,gọn gàng phù hợp thời tiết, móng tay, móng chân cắt ngắn, đeo khẩu trang khi chia thức ăn, khi ho, sổ mũi, viêm họng...  - Phải được khám sức khoẻ theo định kỳ. | - Quần áo của cô luôn gọn gàng, sạch sẽ  - Giữ gìn thân thể sạch sẽ, đầu tóc luôn gọn gàng, móng tay cắt ngắn.  Phối hợp với trạm y tế để trực  tiếp khám và theo dõi sức khỏe theo định kỳ. |  |
| **\*Vệ sinh cá nhân trẻ:**  - Trẻ phải có đầy đủ đồ dùng cá nhân riêng biệt, có ký hiệu riêng  - 100% trẻ có ca cốc, bát, thìa, khăn mặt.  - Trẻ sạch sẽ,biết gọi cô khi ướt bẩn, biết rửa tay,rửa mặt với sự giúp đỡ của cô, biết lau miệng uống nước  Khăn mặt của trẻ phải được ngâm giặt bằng xà phòng hàng ngày.Có đủ nước sạch cho trẻ dùng. | - Lồng ghép giáo dục vệ sinh vào trong các giờ học và các hoạt động  - Tổ chức vệ sinh cho trẻ trước bữa ăn, sau khi trẻ đi vệ sinh,trước khi trả trẻ...  Trao đổi với phụ huynh thường xuyên quan tâm động viên trẻ biết chấp nhận những yêu cầu của người lớn.. |  |
| **\* Vệ sinh môi trường nhóm lớp**  - Môi tường sạch sẽ thoáng mát. Sân trường các khu vực xung quanh lớp học phải được vệ sinh sạch sẽ.Tạo môi trường cây xanh bóng mát, xử lý rác thải, nước thải.Đồ chơi của trẻ phải sạch sẽ an toàn, cô giáo vệ sinh đồ dùng đồ chơi ít nhất 1tuần/ 1lần.  Phòng học sạch sẽ khô thoáng, không ẩm ướt. | -Tổ chức cho trẻ lao động tự phục vụ, lao động vệ sinh môi trường nhóm lớp vào các buổi chiều thứ 6 hàng tuần . |  |
| **4. Tổ chức chăm sóc sức**  **khỏe và an toàn** | ***\** Sức khỏe**  - Trẻ được cân, đo để theo dõi biểu đồ tăng trưởng và cân đo cho trẻ suy dinh dưỡng mỗi tháng 1 lần. | - Cô tổ chức cân, đo và chấm vào biểu đồ tăng trưởng cho trẻ. |  |
| **\* Phòng bệnh** - Phòng chống bệnh tiêu chảy, đau mắt, cảm cúm cho trẻ | - Tuyên truyền với các bậc phụ huynh phòng chống các bệnh thường gặp cho trẻ nhất là những luc thời tiết thay đổi đột ngột. |  |
| \* **Thể lực**  - Trẻ khoẻ mạnh,chiều cao, cân nặng, phát triển bình thường.  - Trẻ biết chơi cẩn thận không xô đẩy bạn.  **\* An toàn:**  - Đảm bảo an toàn: Không để xẩy ra tai nạn, thất lạc trẻ  - Trẻ đến lớp vui vẻ, thích đến trường học, biết nói với cô và bố mẹ khi có dấu hiệu đau ốm.  - Đảm bảo bầu không khí thân mật, cảm giác yên ổn  - Trẻ khoẻ mạnh,chiều cao, cân nặng, phát triễn bình thường.  - Trẻ biết chơi cẩn thận không xô đẩy bạn. | - Cho trẻ ăn đủ chất, hợp vệ sinh, thường xuyên tập luyện thể dục.  -Trò chuyện với trẻ về các đồ chơi ở trường mầm non, cách chơi các đồ chơi ở trường.  - Không được chơi những đồ dùng sắc nhọn. Trong lúc chơi không xô đẩy bạn.  - Làm tốt việc đón, trả trẻ.  - Làm tốt công tác bao quát và quản lý trẻ.  - Giáo dục trẻ ở nhà cũng như ở trường không được chơi gần ao hồ...  - Tạo không khí vui vẻ cho trẻ khi đến trường. Cho trẻ tham gia vào các hoạt động của lớp như liên hoan văn nghệ, kể chuyện sáng tạo về gương bạn tốt . Ở mọi nơi, cô giáo tạo môi trường thân thiện,  gần gũi, cởi mở với trẻ Tuyên truyền phối hợp với phụ huynh để làm tốt công tác này. |  |
|  | **\* Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng.**  - Đảm bảo bầu không khí Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng thân mật, cảm giác yên ổn.  -Cô quan tâm đến trẻ nhiều hơn,cho trẻ ăn thêm các chất dinh dưỡng,tập thể dục thường xuyên | - Cô trao đổi với phụ huynh về biện pháp chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng,  -Nhắc phụ huynh cho trẻ uống thêm sữa,ăn thêm chất đạm và chất béo,thay đổi cách chế biến các món ăn. |  |

**ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁTTRIỂN CỦA TRẺ:**

**CHỦ ĐỀ: BÉ VÀ GIA ĐÌNH CỦA BÉ**

(Thời gian thực hiện từ ngày: 28/10/2024 đến ngày 06/12/2024)

**MỤC TIÊU CÁC LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Hoạt động** |
| ***Dinh dưỡng và sức khoẻ*** | | |
| **MT3**.Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa | - Luyện thói quen ngủ một giấc trưa | **- HĐ ngủ:** Giờ ngủ trưa tập cho trẻ đủ 150 phút  -Trẻ biết lấy gối lên giường ngủ  -Ngủ đúng tư thế ,đủ giấc |
| **MT4**.Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định | * Dạy trẻ biết lấy bô khi đi vệ sinh | **- HĐ vệ sinh:** Tập cho trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định |
| **MT5.** Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn. | + Tập cho trẻ tự lấy thìa, tự xúc cơm, tự lấy nước để uống.  + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. | **- HĐ ăn:** Cô hướng dẫn trẻ ngồi vào bàn, tự xúc cơm, cháo ăn, khi ăn không làm rơi cơm cháo. Trước khi ăn biết mời cô, mời các bạn.  **- HĐ vệ sinh:** Cô hướng dẫn cho trẻ trước khi ăn phải biết rửa tay, lau tay, lau mặt, khi ăn xong phải lau miệng, uống nước. |
| **MT7**. Trẻ biết tránh một số vật dụng nơi nguy hiểm . | - Trẻ nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. | **- HĐ mọi lúc mọi nơi:** Cô tuyên truyền cho trẻ biết cách phòng tránh những nơi nguy hiểm.  -Dạy trẻ biết tránh 1 số vật dụng nguy hiểm như xô nước, phích nước,ổ cắm điện,nồi điện. |
| ***Lĩnh* *vực phát triển thể chất*** | | |
| ***\* Phát triển vận động:***  **MT9**.Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, chân, lưng - bụng | ***\* Phát triển vận động:***  Tập vận động các nhóm cơ và hệ hô hấp:  - Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - - - Tay: giơ cao, đưa tay ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp lắc bàn tay. - Lưng bụng, lườn: Cúi người về trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang 2 bên.  Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. | **- HĐ giờ thể dục sáng:** Trẻ thực hiện động tác hô hấp khi thực hiện bài tập phát triển chung và thể dục sáng  - BTPTC : Tập với vòng.  - Biết đưa vòng lên, hạ vòng xuống, bật vào vòng  - Hoạt động học: Trẻ tập các bài tập PTC |
| **MT10**. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy, bước. | -Tập đi, bước:  + Đi theo hiệu lệnh đi đều.  + Bước lên xuống bậc có vịn.  + Đi kết hợp với chạy. | **- HĐ chơi tập có chủ định:**  + Đi theo hiệu lệnh đi đều.  + Bước lên xuống bậc có vịn.  + Đi kết hợp với chạy.  -TCVĐ: Ai nhanh nhất, Lộn cầu vồng, tung bóng.  - HĐ dạo chơi ngoài trời: Cho trẻ đi theo yêu cầu của cô |
| **MT11**. Trẻ thực hiện phối hợp tay- mắt trong vận động tung, ném, bắt. | -Tập tung:  + Tung bóng bằng 2 tay  + Tung bóng qua dây | **- HĐ chơi tập có chủ định:**  + Tung bóng bằng 2 tay  + Tung bóng qua dây  - TCVĐ: Bóng nắng, bóng tròn to.  - HĐ dạo chơi ngoài trời: Cho trẻ đi theo yêu cầu của cô |
| **MT13**. Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động. . | - Tập nhún bật:  + Nhún bật tại chỗ | **- HĐ chơi tập có chủ định:**  + Nhún bật tại chỗ  - TCVĐ: Bắt bướm  - HĐ dạo chơi ngoài trời: Cho trẻ đi theo yêu cầu của cô |
| ***Phát triển nhận thức*** | | |
| **MT17**. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. | - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng trong gia đình.  - Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.  + Dạy trẻ kỹ năng sử dụng bát thìa. | **\* HĐ Chơi tập có chủ định:**  - KNS: Dạy trẻ kỹ năng sử dụng bát thìa.  **\* Hoạt động chơi tập ở các góc:**  - Trẻ biết và gọi tên đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. |
| **MT18.** Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi. | - Dạy trẻ nói được tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.  - Dạy trẻ nói tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình | **\* HĐ Chơi tập có chủ định:**  - NBTN: Bố - mẹ.  - HĐ mọi lúc mọi nơi: Tc: Chọn đồ dùng theo yêu cầu. |
| **MT19**. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi. | - Dạy trẻ kể tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. | **\* HĐ Chơi tập có chủ định:**  + KPKH: Trò chuyện một số bộ phận trên cơ thể bé.  - TC: Tìm theo hiệu lệnh của cô. |
| **MT26.** Công việc của người thân trong gia đình khi được hỏi. | - Tên công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. | - Hoạt động chơi tập trẻ biết công việc của những người thân trong gia đình.  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi |
| **MT20.** Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc. | - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của đồ dùng gia đình.  + Đồ dùng để ăn, uống, sinh hoạt. | **- HĐ chơi tập có chủ định:**  - NBTN: Cái bàn – cái ghế.  - NBTN: Cái bát – cái thìa.  - NBTN: Cái cốc – cái chén.  - Hoạt động góc. |
| **MT21**. Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu. | * Màu đỏ, vàng, xanh. * Chọn đồ chơi màu xanh, đỏ, vàng; * Chọn đồ dùng màu xanh, đỏ, vàng | **- HĐ chơi tập có chủ định:**  + NBPB: Nhận biết màu đỏ. |
| **MT26.** Trẻ biết hoạt động một số ngày lễ hội ở địa phương địa phương. | * Ngày hội của cô giáo. | **- HĐ chơi tập có chủ định:**  - KPKH: Trò chuyện về ngày hội của cô giáo 20/11. |
| ***Phát triển ngôn ngữ*** | | |
| **MT30**. Trẻ trả lời được câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? …làm gì? … như thế nào? | - Trẻ nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? | **\* HĐ mọi lúc mọi nơi.**  -Trẻ chú ý lắng nghe và trả lời câu hỏi đơn giản của cô.  **\* Hoạt động dạo chơi ngoài trời:**  - Lắng nghe và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của cô khi được hỏi về đồ chơi ngoài trời. |
| **MT31:** Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. | **Chủ đề bé và gia đình**;  Thỏ con không vâng lời; Cả nhà ăn dưa hấu. | **\* Hoạt động chơi tập có chủ định:** Trẻ nghe và biết tên câu truyện:  + Truyện: Cả nhà ăn dưa hấu, Thỏ con không vâng lời.  - HĐ chơi: Trẻ được nghe các câu truyện  - HĐ chiều; Ôn luyện, làm quen các câu truyện...trong chủ đề. |
| **MT33**. Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao, với sự giúp đỡ của cô giáo. | **Chủ đề bé và gia đình**  - Yêu mẹ; Giờ ăn; bàn tay cô giáo .. | **- Hoạt động chơi tập có chủ định:**  + Thơ: Yêu mẹ, Giờ ăn, Bàn tay cô giáo.  - HĐ chiều; Ôn luyện, làm quen các bài thơ, truyện, ca dao...trong chủ đề.  - Hoạt động mọi lúc mọi nơi: Trong khi quan sát, dạo chơi cô cho trẻ đọc thơ ca dao, đồng dao. |
| **MT36.** Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép. | -Trẻ sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. | **- Hoạt động mọi lúc, mọi nơi:** Trẻ nói chuyện giao tiếp với cô và bạn trong hoạt động hàng ngày. |
| **Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội và thẩm mỹ** | | |
| **MT41.** Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. | - Dạy trẻ biểu lộ và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận | **- Hoạt động mợi lúc mọi nơi:** Trong giao tiếp với cô và các bạn trẻ biết thể hiện được cảm xúc và thái độ của mình. |
| **MT46.** Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn. | - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. | - Cho trẻ chơi ở hoạt động góc và mọi lúc, mọi nơi: Trẻ thực hiện được một số yêu cầu, quy định đơn giản mà cô đặt ra như: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào đúng nơi quy định. |
| **MT47.** Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc. | **Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ như:**  **Chủ đề bé và gia đình**  Cho con (Nhạc: Phạm Trọng Cầu, Lời: Tuấn Dũng), Cả nhà đều yêu.  **Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc**.  **- Chủ đề Bé và gia đình:**  Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ); Cháu yêu bà (Xuân Giao); Cái mũi, Cô và mẹ. | **- HĐ Chơi tập có chủ định:**  \* HĐ nghe hát:  Cho con, Chiếc khăn tay.  \*HĐ âm nhạc  + Dạy hát: Cháu yêu bà, mẹ yêu không nào. Biểu diễn cuối chủ đề.  + VĐTN: Cô và mẹ.  + VĐMH: Cái mũi.  +TCVĐ:Ai đoán giỏi, hãy bắt chước,  -HĐ chơi: Ở góc nghệ thuật.  -HĐ đón, trả trẻ: Trẻ được nghe các bài hát, bản nhạc... |
| **MT48.** Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh. | - Vẽ các đường nét khác nhau, di mầu, nặn, xé, vò, xâu dây, xâu vòng, xếp hình.  **Bé và gia đình bé.**  + Tô màu đường về nhà  + Tô màu chiếc áo của mẹ  + Xếp cái nhà, xếp cái cổng, xếp bàn ghế  + Tô màu cái xô.  + Tô màu chiếc cốc  + Vẽ nguệch ngoạc | - Chơi tập có chủ định  \*HĐ tạo hình:  + Tô màu cái cốc  + Tô màu cái xô.  + Tô màu đường về nhà.  \*HĐVĐV:  + Xếp bàn ghế.  \*HĐ chơi ở các góc: Góc nghệ thuật, góc hđ với đồ vật.. |